

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Lâm.
- Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh H, sinh ngày 09/12/1983. Địa chỉ: Số F đường C, khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2023); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn S, sinh năm 1945. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T do ông Hồ Thanh H đại diện, trình bày: Vào năm 2018, ông Phạm Văn S có đến nhà chị Nguyễn Thị Minh T

đề mua thiếu thức ăn nuôi cá tra bột. Tổng số tiền còn nợ đến ngày 25/02/2021 là 64.180.000 đồng. Ông S hứa đến ngày 17/12/2021 (nhằm ngày 14/11/2021 âm lịch) sẽ trả nợ cho chị T (có giấy nợ kèm theo), nhưng ông S không thực hiện. Nay chị T yêu cầu ông S trả số tiền còn nợ gốc 64.180.000 đồng, lãi tính từ ngày 25/02/2021 đến 28/12/2023: $64.180.000 \text{ đồng} \times 33,1 \text{ tháng} \times 0,83\% = 17.632.171 \text{ đồng}$, tổng cộng 81.812.171 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi kết thúc vụ án. Tại phiên tòa, rút lại một phần yêu cầu, chỉ tính lãi từ ngày 17/12/2021 đến ngày 29/3/2024 là 14.595.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn S trình bày: Ông có mua thiếu thức ăn cho cá của gia đình bà Phạm Thị Minh T1. Sau khi nuôi cá lỗ thì nghỉ nuôi và có chốt lại số tiền còn nợ chị T1 là 64.180.000 đồng. Ông có hứa với chị T1 đến ngày 14/11/2021 âm lịch sẽ trả, nhưng do tôi già yếu không làm ra tiền nên không thể trả như đã hứa. Nay chị T1 yêu cầu ông trả tổng số tiền 78.775.000 đồng. Do ông đã già yếu, không làm ra tiền nên xin trả dần số tiền gốc là 64.180.000 đồng và xin giảm số tiền lãi 14.595.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét, nguyên đơn chị T1 yêu cầu ông S trả số tiền còn nợ gốc 64.180.000 đồng, lãi chậm trả 14.595.000 đồng, tổng cộng 78.775.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi kết thúc vụ án là có căn cứ để chấp nhận, vì: Bị đơn, ông S đã thừa nhận mua tài sản là thức ăn thủy sản, nhưng không trả tiền cho chị T1 theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại các Điều 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự, nên buộc ông S phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị T1, không chấp nhận việc ông S xin không trả lãi.

[3] Đối với việc ông S xin trả nợ dần thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo: Ông S là người cao tuổi đề nghị được miễn nên Hội đồng xét xử xem xét cho miễn án phí. Trả lại cho chị T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 433, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T: Buộc bị đơn ông Phạm Văn S có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Minh T số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ gốc và lãi là 78.775.000 (Bảy mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Phạm Văn S được miễn.

2.2. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Minh T tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.418.000 đồng theo Biên lai số 0004525 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự đều có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2024).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú